CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Lọc - Hóa dầu Bình Sơn

Ngày 30/09/2025	26,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	53.6%	**137.0**	**117.5**

DT thuần
Q3/25
35,290
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1,482| -4.0%
YoY: ▲ 3,344| 10.5%

LN thuần
Q3/25
1,057
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 96.0| 10.0%
YoY: ▲ 2,391| 179%

LN sau thuế
Q3/25
909
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 62.0| 7.3%
YoY: ▲ 2,118| 175%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
3.2%
YoY: +/-▲ 0.4%

ROE (TTM)
Q3/25
3.6%
YoY: +/-▲ 3.7%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	
Số lượng CPLH (CP)	
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,658,330
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	
EPS	
P/E	

DT thuần
9T 2025
103,957
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 16,898| 19.4%

LN thuần
9T 2025
2,479
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,717| 225%

LN sau thuế
9T 2025
2,155
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,481| 219%

Cơ cấu sở hữu

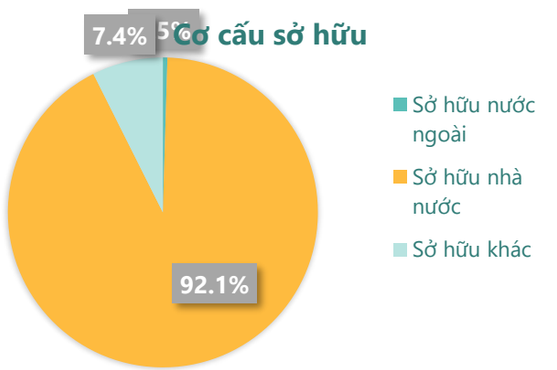

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

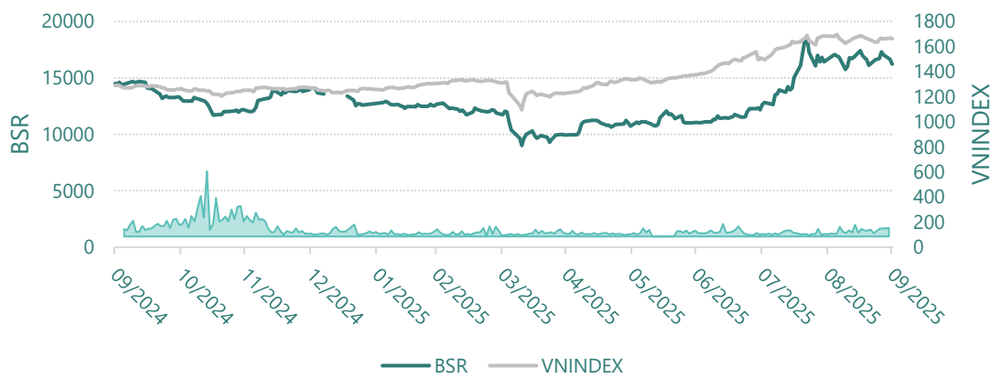

Cơ cấu cổ đông

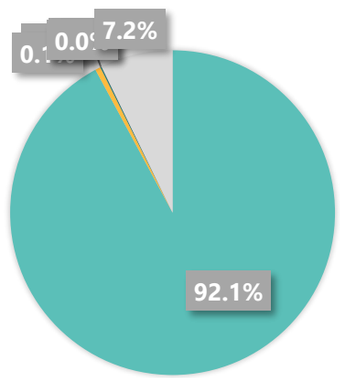

- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- KIM Vietnam Growth Equity Fund
- KITMC Worldwide Vietnam RSP Balanced Fund
- KITMC Worldwide Vietnam Fund 2
- Bùi Minh Tiến
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

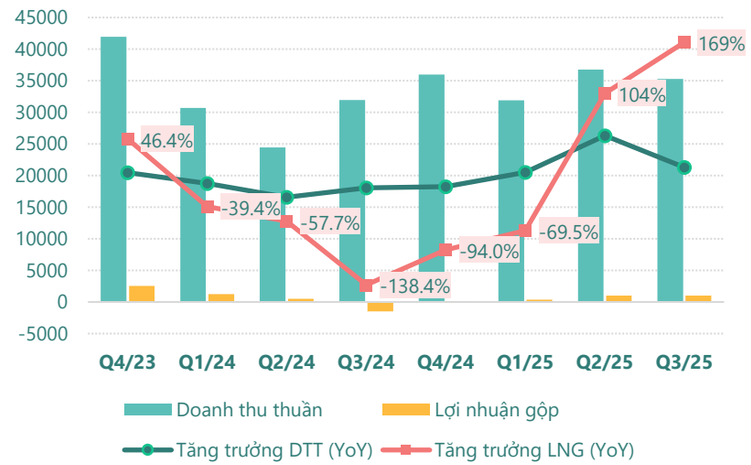

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

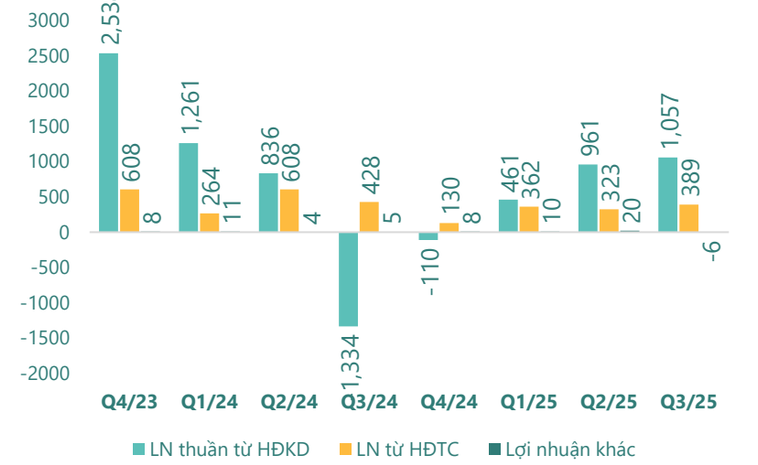

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

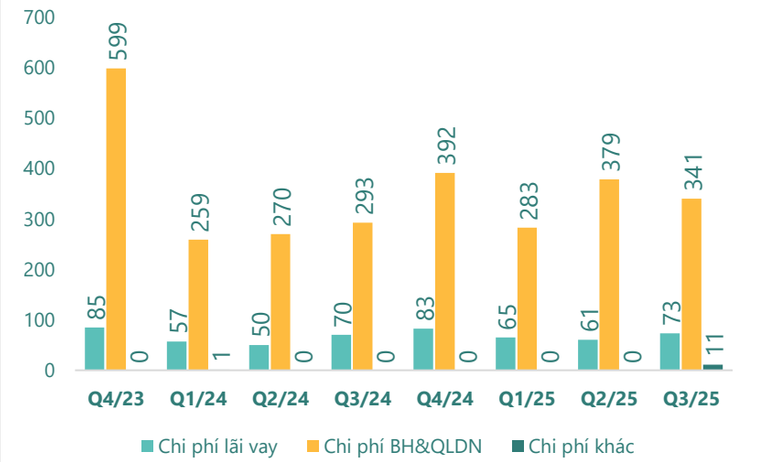

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

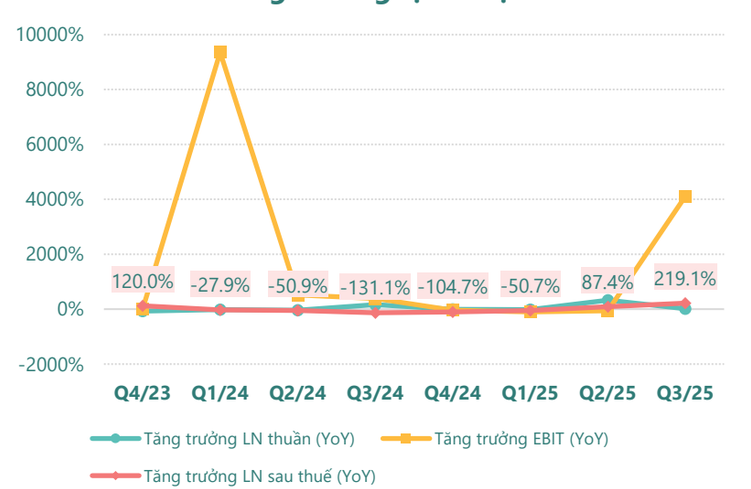

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

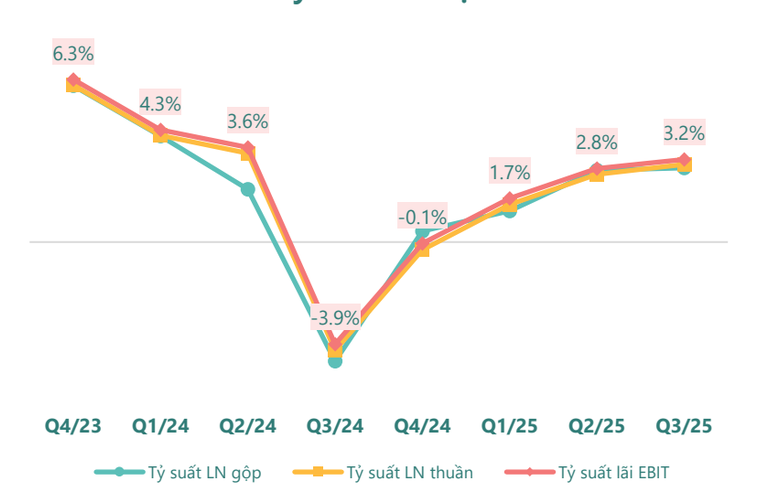

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

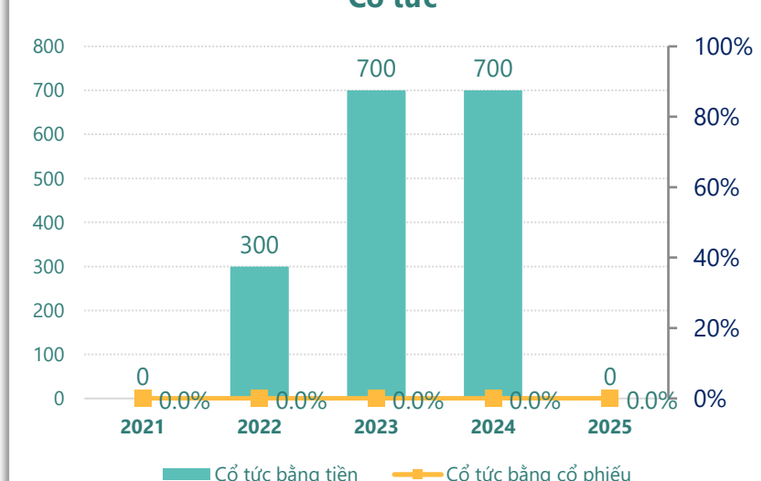

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

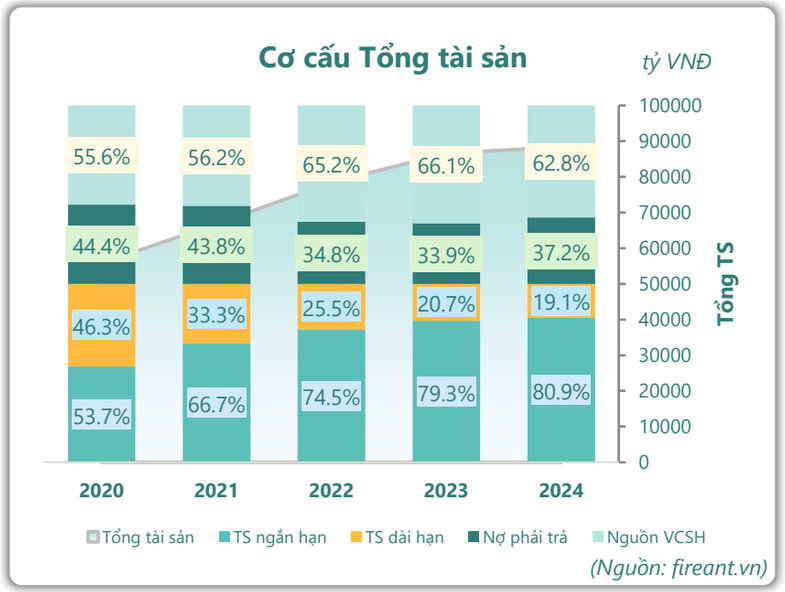

(Nguồn: fireant.vn)

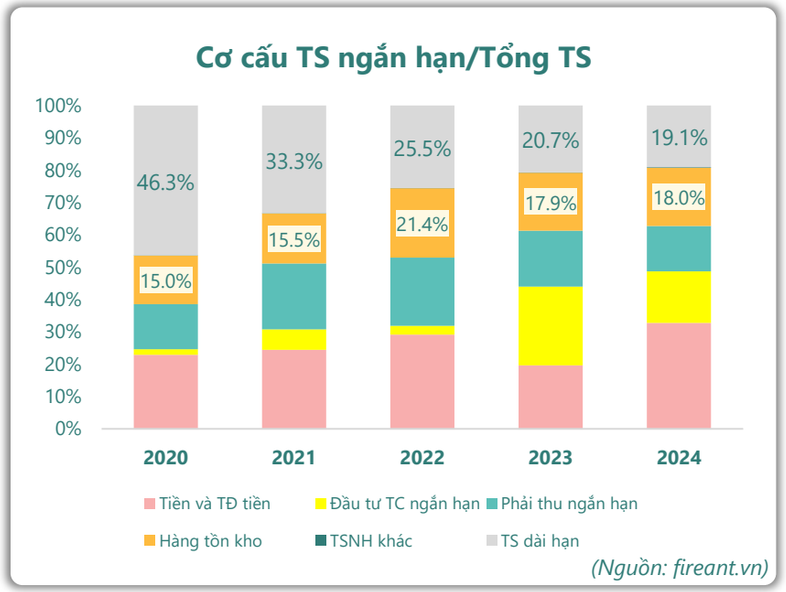

(Nguồn: fireant.vn)

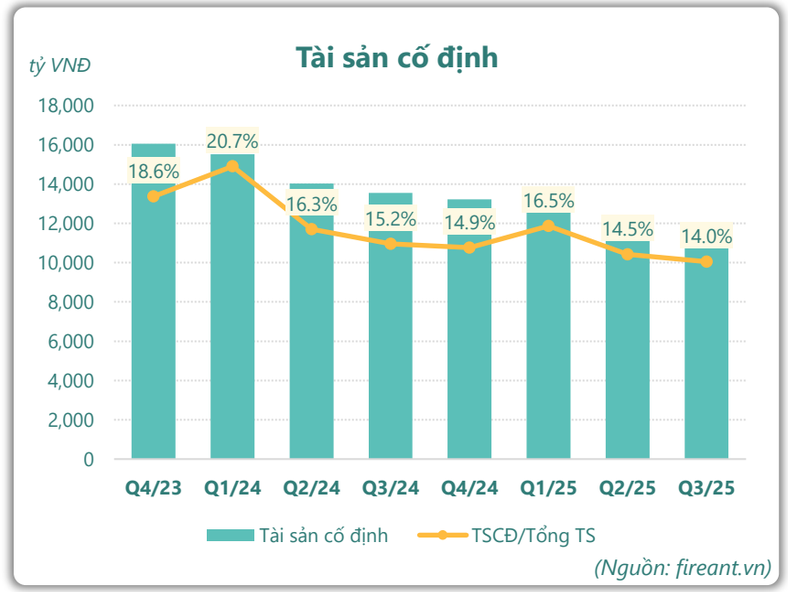

(Nguồn: fireant.vn)

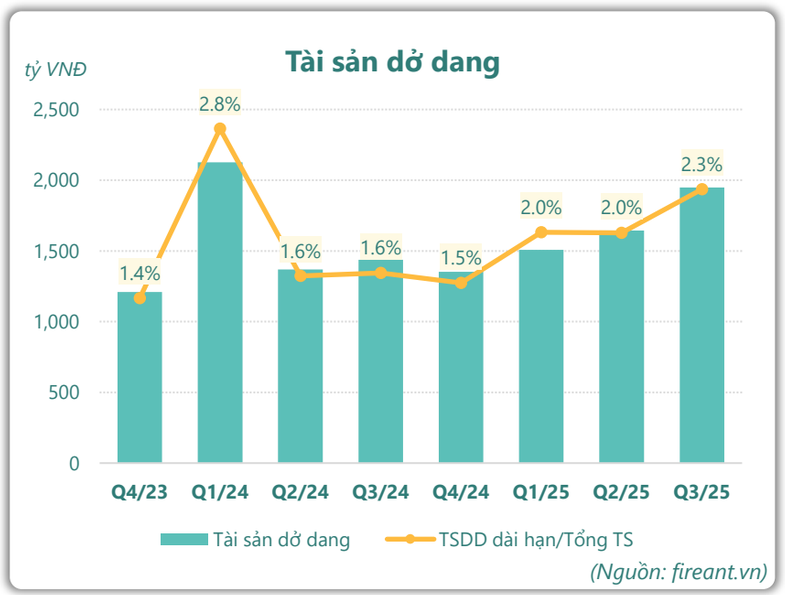

(Nguồn: fireant.vn)

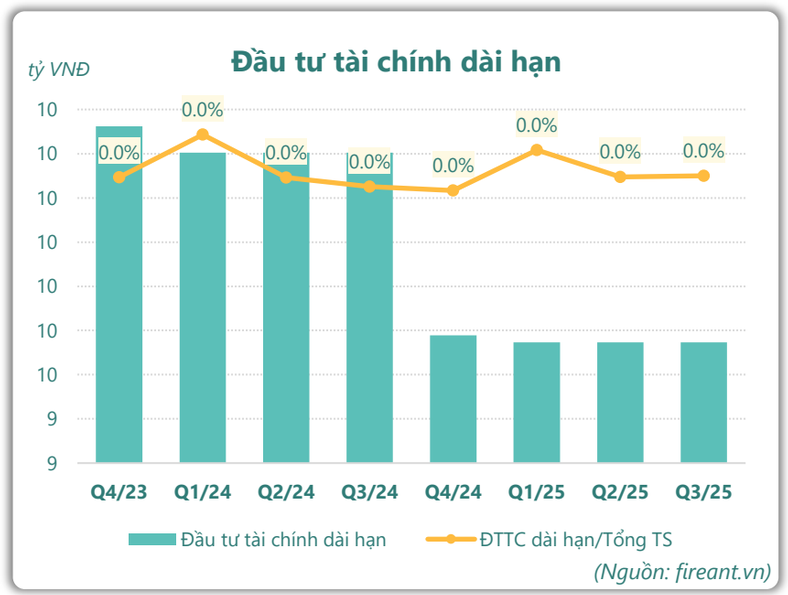

(Nguồn: fireant.vn)

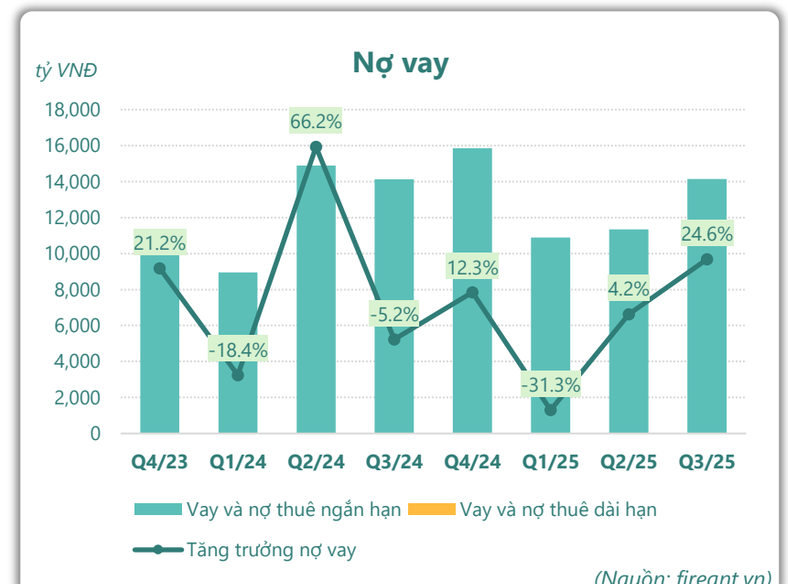

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

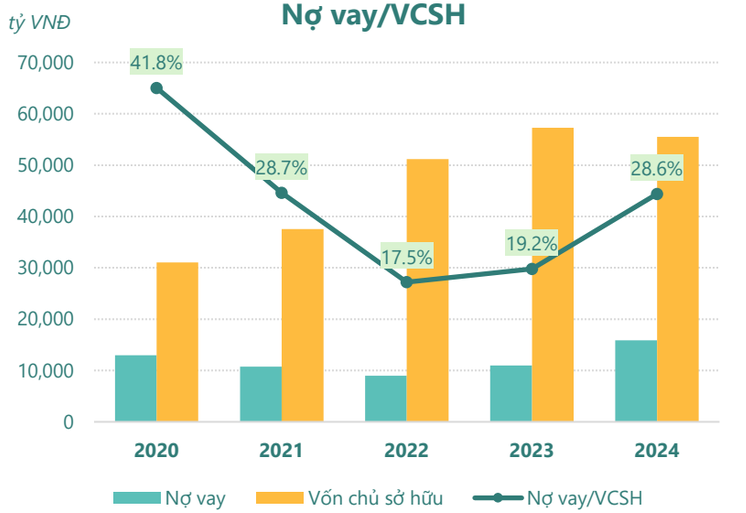

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

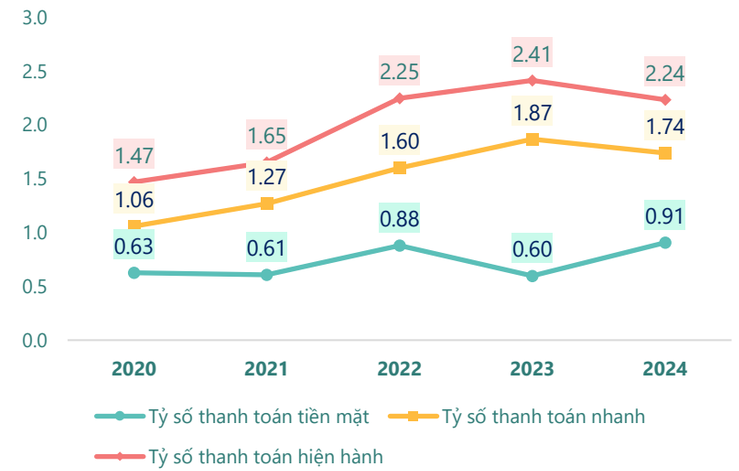

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

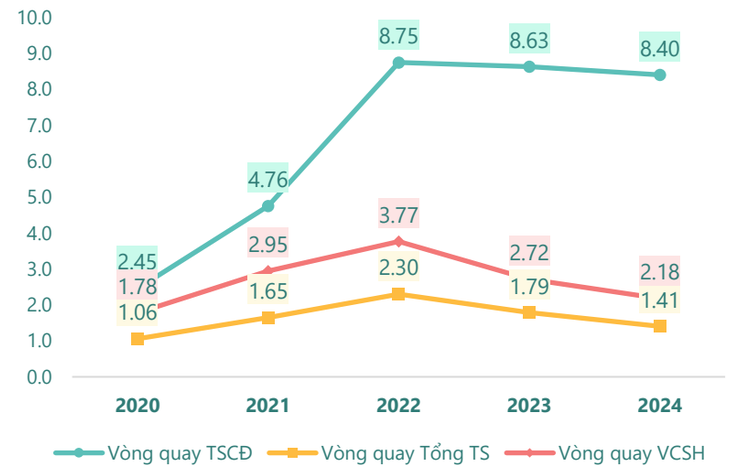

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

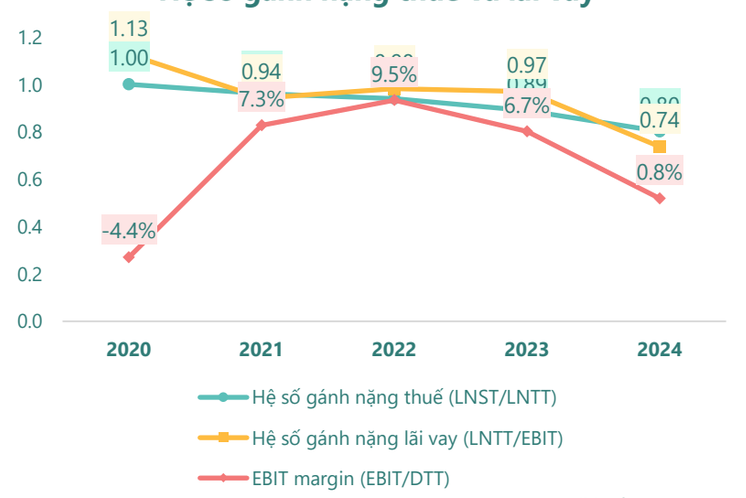

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

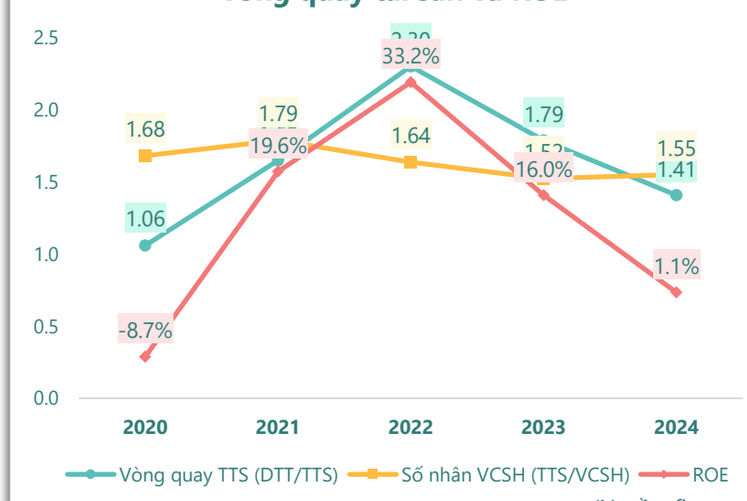

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

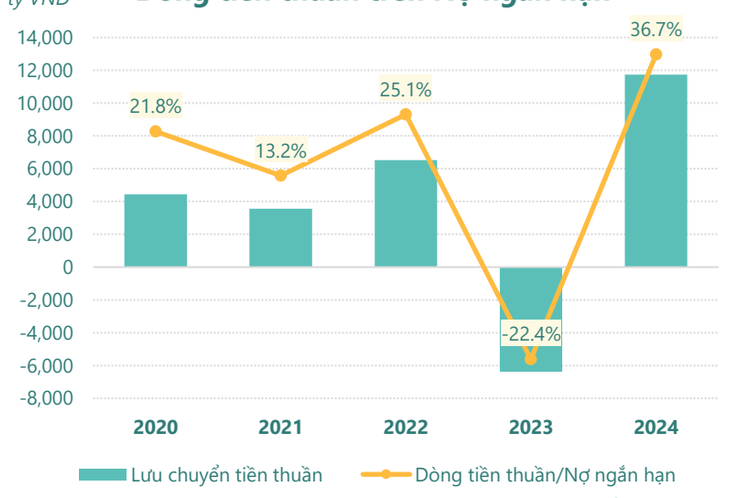

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**35,290**	**31,946**	**10.5%**	**103,957**	**87,059**	**19.4%**
Giá vốn hàng bán	34,282	33,415	2.6%	101,550	86,775	17.0%
Lợi nhuận gộp	1,009	-1,470	169%	2,407	284	747%
Doanh thu HĐTC	553	554	-0.2%	1,463	1,820	-19.6%
Chi phí TC	164	125	31.0%	388	520	-25.2%
Chi phí lãi vay	73.5	70.4	4.4%	199	178	12.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	195	164	18.9%	541	438	23.6%
Chi phí QLDN	**146**	**129**	**13.0%**	**462**	**385**	**20.0%**
LN thuần từ HĐKD	1,057	-1,334	179%	2,479	762	225%
Lợi nhuận khác	**-5.58**	**4.97**	**-212%**	**24.8**	**20.0**	**24.3%**
LN trước thuế	1,051	-1,329	179%	2,504	782	220%
Lợi nhuận sau thuế	**909**	**-1,209**	**175%**	**2,155**	**674**	**219%**
LNST của CĐ cty mẹ	**908**	**-1,210**	**175%**	**2,152**	**715**	**201%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-7,589	4,681	-947	-1,160	4,168	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	4,803	16.0	193	2,756	-13,252	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	7,097	-770	-427	-4,970	460	0
Tiền đầu kỳ	21,813	26,142	30,159	28,995	25,745	0
Lưu chuyển tiền thuần	**4,311**	**3,927**	**-1,181**	**-3,374**	**-8,624**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	18.8	90.6	16.6	124	113	0
Tiền cuối kỳ	26,142	30,159	28,995	25,745	17,233	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**83,844**	**88,387**	**-5.1%**
Tài sản ngắn hạn	68,426	71,516	-4.3%
Tiền và tương đương tiền	11,010	28,995	-62.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	31,112	14,022	122%
Phải thu ngắn hạn	14,359	12,457	15.3%
Hàng tồn kho	11,871	15,891	-25.3%
Tài sản ngắn hạn khác	74.3	150	-50.6%
Tài sản dài hạn	**15,418**	**16,871**	**-8.6%**
Phải thu dài hạn	548	549	-0.1%
Tài sản cố định	11,702	13,216	-11.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,949	1,352	44.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	9.54	9.54	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**1,209**	**1,745**	**-30.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	26,390	32,849	-19.7%
Nợ ngắn hạn	**25,530**	**31,984**	**-20.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	14,137	15,857	-10.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	8,524	14,473	-41.1%
Nợ dài hạn	860	865	-0.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**57,454**	**55,538**	**3.4%**
Vốn chủ sở hữu	**57,454**	**55,538**	**3.4%**
Vốn điều lệ	31,005	31,005	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)